TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 293/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 04 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T

Căn cứ các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 11 năm 2020;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 285/2020/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1979

- Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1976

Cùng ĐKHK và cư trú: Tổ 14 cụm 3 phường T, quận T, thành phố H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Xuân L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/08/2009 tại UBND phường T, quận T, thành phố H, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do Chị Tvà anh Lkhông có con chung, cuộc sống chung không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nay cả hai bên cùng xác định tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và anh L cùng yêu cầu thuận tình ly hôn là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

[2] Về con chung: Chị T và anh L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nhà đất, công nợ chung:

Về tài sản chung, nhà đất chung: Hai đương sự đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về công nợ chung: Hai đương sự đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị T nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Xuân L.

- Về con chung: Hai đương sự không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về tài sản chung, nhà đất, công nợ chung:

Về tài sản chung, nhà đất chung: Hai đương sự đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về công nợ chung: Hai đương sự đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Minh T nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T theo biên lai thu tiền số 0004229 ngày 13 tháng 11 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận T;
- UBND p. T, T, HN;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Thảo

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].